

CHIM XA LÌA ĐÀN

» Tác giả: **Phụng Hồng**

Thân tặng anh chị Ngô Thị Vân & Anh chị Tôn Thất Quỳnh Loan (P.H)

"... Không biế rồi đây ở cuối đời

Chong đèn đọc sách lạnh bờ vai...

Bài thơ dang dở không lời kết,

Em đã xa rồi... ngâm với ai?

(P.H)

"Chim" nói ở đây là người viết bài này. Còn "Đàn" là khóa Khải Định (KĐ) 47 – 54. Cái số phận hẩm hiu và xui xẻo đen như đêm 30 của khóa này là đã "sẩy đàn tan ghé" từ lâu, nghĩa là từ hồi có cái hiệp định Gieo-neo (thật là cái tên tiền định) cắt đôi đất nước "Việt Nam mình" một cách phi lý như Sartre đã nói, thì vừa lúc khóa này cũng chấm dứt học trình TT2 luôn và "au revoir" mỗi người mỗi ngã, kẻ chân trời, người góc biển, kẻ lên xe hoa, người lẫn xả vào cuộc chiến chống cộng cho đúng với ý nghĩa 3 chữ "traì thời loạn" như Tôn Nữ Dung Đài đã viết Lưu Bút (Ban sinh ngữ) chuyện tôi, hoặc anh hùng hơn thì như Nguyễn Công Trứ đã phán "tang bồng hồ thử"... Một bằng cứ rất xác đáng là mãi đến bây giờ, sau gần nửa thế kỷ trôi qua mà khóa này tả tơi rách nát quá nhiều như mảnh áo da cừu ngày càng teo lại. Chắc là "đầu thai lắm thế kỷ chẳng?" hay là "sinh bất phùng thời"? nên chim đã sớm xa lìa đàn, như cánh bèo trôi sông mùa nước lụt năm Thìn (53) ở Huế không biết trôi giạt về đâu: có người đã anh dũng hy sinh đền nợ nước như cố Chuẩn tướng Nguyễn Bá Liên, phi công Trần Duy Kỳ (KHB) có người đã sớm lìa đời vì con bệnh ngặt nghèo; có người đã chết tức tưởi, oan uổng trong lao tù cải tạo của lò luộc người cộng sản vì không chịu đựng nổi những đòn tra tấn dã man vật chất lẫn tinh thần của cộng sản bắc Việt (CSBV); có người chết vì tai nạn lạng xẹt như Hoàng Nguyên Cao Cự Phúc (SN); có người đã bỏ ra đi qua "bên tê", sau hiệp định Gieo-neo như Lê Văn Khiếu (SN), Nguyễn Duy Tịnh (KHB) để rồi không bao giờ trở lại; lại có người dứt khoát bỏ bạn bè ra đi vì một lý tưởng cao siêu (?) nào đó để rồi sau 30/4/75 tình cờ gặp lại Sài Gòn trong một cái nhìn mới đầy hận thù cũ vì đã rõ ràng là hai bờ chiến tuyến khác biệt như một triết gia nào đó đã nói "Quốc gia là quốc gia, cộng sản là cộng sản, sẽ không bao giờ gặp nhau" (như vậy thử hỏi nói đến hòa hợp, hòa giải mà làm gì?) bất chước theo kiểu Rudyard Kipling từng phán: "Đông là Đông, Tây là Tây. Đông tây không bao giờ gặp nhau", như Lê Quang Vịnh (KHB), Hoàng Anh Cung (KHA), Tôn Thất Thanh, Trần Hữu Tùng (mất tích).... hoặc có người bất chước tráng sĩ Kinh Kha Tâm sự sang Tần ngày xưa mà "xếp bút nghiên theo việc đao cung" để rồi sau này làm lớn như Trần Tấn Đình (SN, ái nam cố nhà văn Trọng Lang Trần Tấn Cừu), Phạm Quang Phong (SN), Nguyễn Duy Nghệ (đệ tứ B 2), mặc cho người chinh phụ ở nhà "sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng" (!); hoặc có người cùng gia đình vui thân trên biển cả Thái Bình Dương (hay Đại Tây Dương thì cũng thế thôi!) sau khi đã liều lĩnh ra đi vượt biên tìm tự do vì không chịu nổi chế độ hà khắc của CSBV (chưa rõ là ai), làm cho "những chiếc linh hồn nhỏ" ở lại "mang mang thiên cổ sầu" mút mùa lệ thủy! Lại còn có người mãi đến bây giờ hơn ¼ thế kỷ trôi qua mà vẫn còn "nặng nợ máu với nhân dân" (vì đã đại dột ngây thơ mang theo một thúng tiền ăn đăng ký cải tạo) còn trong vòng lao lý nơi rừng sâu nước độc, đang trông ngóng ngày về. (xưa nay cải tạo mấy ai về?). Hoặc có kẻ tốt số hơn, thoát được ngục tù CSBV vào giờ thứ 25, trốn được ra ngoại quốc, làm lại cuộc đời từ 2 bàn tay trắng vì đã can đảm dứt khoát vứt lại sản nghiệp sau bao năm tạo dựng bằng máu, mồ hôi và nước mắt ở quê

nhà, sau khi rời mái trường KĐ thân yêu, ngày nay đã sống lang bạt nơi quê người, có con cháu thành công rực rỡ, làm về vang tự hào cho nòi giống, ở Hoa Kỳ, Úc châu, Âu châu, và rải rác một số quốc gia tự do khác từ Bắc cực xuống Nam cực, hay ở những miền khỉ ho cò gáy, chó ăn đá gà ăn muối, quanh năm bốn mùa rụng lá, tuyết phủ, hay ở tận những hòn đảo thơ mộng ngoài khơi Thái Bình Dương (Thuở xưa kia, người ấy đẹp mỹ miều. Cao nguyên ngực, Thái bình dương mắt biếc – Tạ Ký)... KĐ 47 – 54 còn lại rất ít, lại sống rải rác khắp bốn phương trời chứ không quy tụ lớn về thủ đô tỵ nạn ở Mỹ như khóa KĐ 48 – 55 và các khóa khác. Một bằng chứng cụ thể nhất là mãi cho đến nay, khi tôi ngồi viết mấy giòng tâm sự vụn vặt này, một ngày trời mới sang thu và bắt đầu trở trở lạnh, vừa đúng 25 năm, 2 tháng 15 ngày, 20 giờ 42 phút và 25 giây thì chưa thấy một ai trong khóa đứng lên hô hào (không phải hô hào lên đường trở về tái chiếm quê hương đã mất vào tay giặc mô nghe!) lập ban đại diện nhóm, liên lạc bạn bè cũ, quy về một mối để họp mặt thường xuyên, xuân thu nhị kỳ, đớp hít thở giàn, ra đặc san bàn chuyện văn nghệ văn gừng, củ khoai, củ sắn như anh Tôn Thất Quỳnh Tiêu và các bạn khác KĐ 48 – 55 đã từng làm từ lâu. Chính trong tinh thần đó mà từ lâu, tôi đã có dịp "tiêu hóa bỏ ỉch" các đặc san KĐ 48 – 55 từ số 1 đến số 5 do chị Ngô Thị Vân cho mượn. Như cá gặp nước, người đi giữa sa mạc châu Phi nắng cực gắt được ly chanh đường của Phạm Duy trong "Trả Lại Em Yêu" bèn uống một hơi, nghĩa là đọc hết một lèo "mệt không nghĩ". Xin các bạn đừng nghi ngờ gì cả, vì tôi vốn sinh ra không phải để nói láo đâu. Đó là một điều đáng buồn! Và đáng buồn hơn nữa là càng đọc tôi lại càng ghen ngào, thổn thức, mắt ngủ bao đêm liền, sau khi đã nghiền ngẫm những bài thơ, truyện... trữ tình, chân thật xuất phát từ con tim đã gọi lại cho tôi những kỷ niệm êm đềm ngày xưa dưới mái trường KĐ mà bên kia là ĐK những giờ nghỉ trưa ở lại "gạo" thì giữa những ngày hè oi bức ve sầu kêu râm ran của những "ngày tháng đông đưa" đẹp như màu Phượng Vĩ của chị Quế Hương! Tôi đã từng để lòng mình dâng lên những niềm vui vô cơ bao nhiêu với tác giả Dạ Khê thì tôi lại để lòng mình lắng xuống với những cảm động xa vời, những bụi ngùi thương tiếc một thời đã qua của những chàng trai xứ Huế mới lớn, tâm tình đã bị kềm tỏa bởi những vòng rào thép gai của thời đại. Chính vì lẽ đó mà tôi đã không cầm được nước mắt khi đọc lại những giòng chữ đó do anh Hoàng Ngọc Trác viết trước khi ly trần: "... Những người con trai xứ Huế quá vô duyên, thương người ta mà không chịu tỏ, thì làm rằng người ta biết được, đến khi biết được thì đã quá muộn màng rồi!..." (trích "Về một người bạn vừa vĩnh viễn ra đi" của Ngô Thị Vân). Tôi quá bồi hồi và xúc động quá và lại đúng với hoàn cảnh của mình, của người trong cuộc nữa! Tôi lại nhớ đến câu thơ dễ thương của Cung Trầm Tưởng "Ga Lyon đèn vàng, cầm tay em khẽ nói, Yêu nhau cũng muộn màng". (Nhưng may quá chị Vân ơi, dạo ấy tôi đã về kịp và "cuốn" được nàng kịp thời. Thật tôi còn hên quá, chưa muộn màng). Thế là tôi lại phải mất công thêm mấy tiếng nữa để tìm cho ra cái bài đó của chị Ngô Thị Vân để đọc đi đọc lại nhiều lần cho đến nỗi trang giấy nhòe đi vì ướt hồi nào không hay! Bây giờ Trần Công Kiểm – một thời đã chia động từ "To Gaudautre" khá lâu với Hoàng Thị Hạnh ở Phan Châu Trinh – Đà Nẵng – đã an giấc nghìn thu ở một vùng đất không có hận thù, chắc cũng được ấm lòng khi đọc được – qua thân giao cách cảm – những giòng chữ kia của người bạn thân còn ở lại?

Rồi tôi tự hỏi: "Phải chăng mình thực tội lỗi đáng trách vì đã bỏ phí mất một quãng thời gian dài của tuổi trẻ non dại xuân xanh mà không chịu tận hưởng? Hồi tôi còn học lớp Đệ Ngũ ở Việt-Anh cũ, Tết năm ấy, anh Văn Đình Hy học Đệ II cấp xuống cổ võ tổ chức liên hoan Tết và có nói một câu mà tôi còn nhớ mãi đến bây giờ: "Tuổi của các em bây giờ mà không biết vui đùa thì uổng lắm. Bởi vì đời người học sinh có ba giai đoạn rõ rệt : Thời tiểu học là đang còn con nít, thơ ấu nên chưa biết cuộc đời là gì. Đến thời Trung học đệ I cấp như các em bây giờ là tuổi đang lớn đã bắt đầu có trí khôn nên nếu không biết lợi dụng mà vui hưởng thì sẽ hối hận suốt đời. Tuổi của các em là tuổi hồn nhiên, trong trắng nên cần phải vui đùa lành mạnh để thêm sức mà học. Chứ nếu không nay mai lên đến Đệ II cấp như các anh bây giờ sắp sửa lên Đại Học là những người bệ vệ, đứng đắn như những ông quan tương lai nên không còn hứng thú để vui đùa nữa."

Tôi đã bắt lặc. Vì tôi đã nhớ năm lòng lời khuyên vàng ngọc của anh Hy đó mà không làm gì hơn được. Thật đáng buồn! Và đáng buồn hơn nữa là lắm lúc hồi tưởng lại, tôi vẫn thấy tức tưởi lắm vì lớp tôi cũng có những tài hoa cự phách lắm, có thua gì KĐ 48 – 55 đâu?

Nào là nhạc sĩ Hoàng Nguyên Cao Cự Phúc đã từng làm bản nhạc bắt hủ "Tà Áo Tím" (vì hồi đó chị Hoàng Thị Dạ Thảo hay mặc áo tím thơ mộng) với những lời lẽ trữ tình suốt suốt để ca tụng vẻ đẹp mê hồn của "Nàng Cỏ Đêm". Nào là Lê Văn Khiếu, thi sĩ có hạng không thua gì Rimbaud & Verlaine (Khiếu luôn chiếm ưu hạng về quốc văn với thầy Tchya và Bửu Cầm và đã đỗ đầu hạng Bình Thứ kỳ thi THĐI cấp năm 1951, chị Hoàng Thị Trợ bên Đồng Khánh đỗ hạng nhì). Hè năm đó, Khiếu có tặng tôi bài thơ ở lưu bút như sau:

Tình Buồn

"Em về rồi khuất mặt. Tôi ngồi trong nắng nhạt,

Sau mấy lũy tre quê Mất ướt lệ dầm dề

Bóng em trên cỏ úa, Ngoảnh mặt làm chi nữa

Ngày một xa, xa tôi. Tình ta nhạt phai rồi

Em về với gió mờ côi,

Tôi ngồi trông nhận tung trời cao bay." (1)

Khiếu lấy bút hiệu là Thanh Mỹ và đã bắt đầu gởi thơ và truyện ngắn cho các báo ở Hà Nội và Sài Gòn từ dạo ấy. Sau đó ít lâu, vì tôi cứ gặng hỏi mãi "Em nào trong bài thơ vậy?", "muốn ám chỉ ai vậy?", Khiếu đành thú thật đó là chị Nguyễn Thị Diệp (xin mỗi chị D., vậy nếu chị đọc được mấy đoạn này). Chuyện này có Đặng Công Hằng và Lê Khắc Trọng biết. Bây giờ Khiếu đã ra người thiên cổ. Tôi nhắc lại bài thơ trên để nhớ lại thời vàng son của năm Đệ Tứ, năm tươi đẹp nhất của Đệ I cấp 1949 – 50 với Khiếu đi và về cùng một đường ở Thành nội, cùng qua những chuyến đò ngнга muộn, vào những chiều đông rét buốt mưa dầm. Nhắc lại Khiếu đôi dòng để khóc và nhớ Khiếu luôn. Lại còn Trữ Vũ Trần Đại Bính nữa, đã nổi danh thi sĩ xã hội khi còn học Đệ Ngũ 49, bỏ đi Sài Gòn làm báo.

Thế thì tại sao khóa tôi lại vẫn im lặng cho mãi đến ngày nay? Tôi đã không tìm được câu trả lời thỏa đáng. Bền tâm sự với Ngô Thị Vân. Chị bảo: "Thì hãy cứ viết ra đi rồi tôi sẽ cho mượn "đất" để "cắm dùi" mà tha hồ kể lể tâm tình". Thế là tôi lại tiếp tục viết. Rồi tiếp tục xóa bỏ. Không biết bao nhiêu lần. Rồi tôi lại tiếp tục đọc Đặc San KĐ 48 – 55 cho đến số gần đây nhất (V- 2000). Tôi rất phục thầy Nguyễn Hữu Thứ tuổi đã cao mà trí nhớ thật vô cùng minh mẫn, siêu việt, rất đáng sợ hơn cả trí nhớ của Khổng Minh ngày xưa nữa. Thầy đã viết một bài hồi ký về Thầy Hàm và đã trích dẫn mấy câu thơ của A.de Vigny nói về cái chết của con chó sói, những câu thơ tôi đã thuộc nằm lòng và thường đem ra tự an ủi mình mỗi lần thất bại trong đời, nhất là thời vô lò lược người tù cải tạo ở Long Thành sau 30/4/75. Bởi vì "Than khóc là hèn, hãy nín hơi. Rồi bạn hãy can đảm hãy nhận lấy những phần thưởng mà cuộc đời đã dành cho bạn rồi hãy anh dũng chết như con chó sói kia". Thế thôi. Thừa thầy Nguyễn Hữu Thứ, con xin bái phục Thầy sát đất, tuy so sánh với Carnot, con vẫn còn kém thua xa!

Rồi đến bài thơ của thầy Lê Hữu Mục "Cùng một hướng chiều" hay chi lạ. Thâm thúy và ý nghĩa vô cùng. Đọc một lần là nhớ liền vì sức mạnh truyền cảm của bài thơ quá lớn, lớn hơn cả sức mạnh của một phi thuyền khi mới được phóng lên ở tốc độ đầu! Nhất là câu "Thôi đừng, em ạ, nhìn nhau nữa, ..." như thẳm nói lên một cái gì mất mát ghê gớm ở trong đời 2 người từng yêu nhau để rồi bây giờ – vì một lý do thẳm kín bất đắc dĩ nào đó, nào ai biết được? – lại phải xa nhau, qua những ngày tháng dật dờ như giòng sông Hương lãnh đạm dưới cầu Tràng Tiền. Thầy Mục đã viết một tác phẩm giá trị độc đáo và can đảm vạch mặt chỉ tên tội đạo văn của Hồ chí Minh nhan đề "Hồ Chí Minh không phải là tác giả Ngục Trung Nhật Ký". Việc làm này của thầy Mục đã ghi một điểm son trong văn học sử Việt Nam hải ngoại. Thầy Mục cũng còn là một nhạc sĩ tài ba xuất chúng. Và cuối cùng thầy cũng còn là một nhà văn lừng danh một thời. Quả thực thầy là một người đa

dạng.

Rồi đến những bài văn, tự truyện, giòng thơ khác của những cây bút tên tuổi từ bao năm mà tôi nào có hay. Ôi đọc hoài từ trang đầu đến trang chót mà vận không thấy chán. Rồi đến những tấm hình, những tấm hình độc đáo tôi "nghe" hoài không bao giờ mỏi mắt, những hình ảnh thân thương mền ngày xưa của những người tôi đã từng gặp chưa bao giờ quen biết, hoặc có họ hàng, bà con mặt thiết nhưng người trong cuộc vẫn vô tình, chẳng hạn như Võ Thị Nguyệt, liên hệ thật gần, nhưng vẫn xem như người xa lạ, mặc dầu cùng đi một đường, giờ tan học, trông thấy nhau hàng ngày. Mãi đến sau này, về dự đám cưới, nhờ Hồng Lộc giới thiệu, Nguyệt mới vỡ lẽ... Nhắc đến Nguyệt thì phải nói đến Quỳnh Hoa và Ngô Thị Vân. Tình cờ, tôi đã có dịp so sánh chiếc ảnh của "3 nàng hiệp sĩ" này 40 năm về trước với chiếc ảnh chụp chung mới nhất gần đây. Vẫn không có gì thay đổi. Vẫn trẻ trung như xưa mặc dù thời gian tàn nhẫn đã khắc dấu. Tôi vẫn có cảm tưởng như đang ngắm những nàng kỳ mã múa kiếm trong tác phẩm bất hủ "Kỳ nữ gò Ôn khâu" của Đinh Hùng. Nhìn chị Quỳnh Hoa, tôi lại liên tưởng đến câu thơ: "Quỳnh Hoa chiều động nhạc trầm mi" của thi sĩ Võ Ngọc Trác ở Đập đá năm xưa. Nghe nói, anh chàng nay có yêu một nàng thôn nữ học ĐK rất tha thiết và da diết nhưng không được đáp ứng (Yêu nàng bao nhiêu người làm thơ – Nguyễn Nhược Pháp) nên đâm ra dở khùng dở điên. Vì thất tình nặng nên năm 1953, Trác đã in ra một tập thơ tràn giang đại hải rất bí hiểm mang tựa đề "Thượng Thảm", bí hiểm hơn cả trường phái Xuân Thu Nhã Tập và Picasso nữa. Đọc lên không ai hiểu gì cả. Nhập đề tập thơ, Trác viết:

"Thơ của ai? Chiều lắng u hoài rét xuống căm!

Thơ của anh: buồn xưa lắng xuống học chiều đông.

Thượng Thảm! Thượng Thảm! Như hoàng hôn chết lửng lơ còn.

Như đại dương sóng vỗ âm thầm...

Bên cạnh là Ngô Thị Vân vẫn như mì như hồi còn đi học qua ngã Âm-hồn là con đường độc đạo của một người từng leo đèo những sáng sớm tinh sương, và những chiều nắng muộn. Bởi lẽ chị Vân ở gần cửa Đông Ba nhưng lại chuyên môn đi cửa Thượng Tứ nên mới có chuyện:

"Em đi, chàng theo sau.

Em không dám đi mau,

Ngại chàng chê hấp tấp,

Số gian nan không giàu."

(Thơ Nguyễn Nhược Pháp)

Nửa thế kỷ trôi qua rồi, ngày nay chim đã xa lìa đàn, biết đến bao giờ trở lại ngã tư Âm hồn để ngắm những tà áo trắng tha thướt trên đôi guốc vông với chiếc xe đạp mới tinh? Ôi cái cảnh "nước mất nhà tan" sao mà buồn vậy!

Cũng qua những số đặc san này tôi mới có dịp nhớ lại những hình ảnh cũ một số bạn đã cùng mài đũng quần ở lớp Nhất Tiểu học Thượng tứ, thời ông Lê nguyên Trinh rất dữ làm Hiệu Trưởng với các ông thầy Bửu Thập, thầy Nguyễn Văn Luân, các cô An, cô Diễm,... Có bạn ngày nay đã lên chức cha, mẹ, ông nội, ông ngoại, bà nội, bà ngoại (gặp lại chắc phải đổi cách xưng hô bằng "Cụ, mợ, bà cố"? có người bị những cơn bệnh ngặt nghèo đang hành hạ. Có người đã khuất núi. Nghĩa tử là nghĩa tận. Thôi thì xa cách nghìn trùng chưa có ngày tái ngộ thì chỉ biết chấp tay lại mà nguyện cầu... hoặc làm thơ thần hay viết văn lung tung dài lê thê như kiểu Hoài Mai Hoàng Đình hoạt (Cựu CHT/ Cu xê ở Đà

Năng) viết "Bên lề cải tạo" đọc hoài không hết, như kiếm hiệp Kim Dung hay "chuyện dài nhân dân tự vệ" vậy.

Một nhà hiền triết vốn xuất thân cựu Quốc học, đã phán một câu đờ hời: "Ở đời có 2 loại bằng hữu: Bạn học và Bạn tù. Bạn học là bạn thời bình son trẻ ngấm bóng chiều trên giồng Hương giang lặng sóng. Ra đời, bạn học nếu tri kỷ sẽ trở nên gần bó keo sơn hơn để rồi cùng đi một hướng chiều. Còn bạn tù là bạn trong cảnh khốn cùng khổ lụy. Ví dụ sau 30/4/75, vô tù cải tạo ở lò luộc người CSBV tại Long Thành mới rõ thằng bạn cũ nào là những thằng tốt bụng... Đó là những thằng cho dù ở nghịch cảnh nào, vẫn không nói yêu thành ghét, không nói ghét thành yêu, nếu ai cầm dao dọa giết hay đồ ngon ngọt trem chiều." Câu nói này nên ghi vào sử sách.

Nghĩ cho cùng, ngày xưa Hoàng Giác một thời theo kháng chiến, lúc ở chiến khu Việt bắc vì quá chán nản nên vỡ mộng, mới than khóc "Tha thiết mong ngày về đầm ấm. Như cánh chim tìm về tổ ấm. Nhớ phút chia ly, ngại ngừng bước chân đi như lưu luyến bao ngày xanh... Thôi ước mơ chi ngày mai." Hoàng Giác đã có lý khi đặt bản nhạc Ngày Về. Nhưng ngày nay mấy ai đã có một Ngày Về huy hoàng?

Nhưng riêng tôi, tôi đã có Ngày Về đó. Như ri các bạn hí: cách đây đúng 44 năm, tôi đã trở về lại Huế, mò lại Hồ mừng, bến Tĩ sanh để đi lại con đường Mã Khái trở ra Âm hồn qua cửa Thượng Tứ rồi không hiểu sao tôi lại rẽ phải trên đường Nguyễn Hoàng, gần Thương bạc để vô khuôn viên Nguyễn Phước Tộc gặp nàng và rủ nàng đi xi nê lần đầu tiên xem phim "Thé et Sympathie" ở Morin do Deborah Kerr đóng (Trà Tình Gợi Cảm) rất mùi mẫn. Không ngờ tối đó gặp Bảo Phúc thấy được nên về đồn ăm lên. Hôm sau nàng đến ĐK dạy như thường lệ bị một số đồng nghiệp chát vắn rất ư là cặn kẻ như kiểu biện lý Ken Star hỏi cung Monica vậy. Trong số đó có Nguyễn Thị Hường ở Võ dạ đã hỏi nàng: "Ê hời hôm mi đi coi xi nê có vui không?" nàng tưởng thật nên chát phác trả lời:

_ Vui, phim hay lắm!

_ Người ta hỏi vui là vui cái chuyện tê kia, chứ không phải vui phim mô nghe.

_ Chuyện tê là chuyện chi?

_ Thì chuyện nớ đó, chuyện đi với chàng đẹp trai mới vui chứ? Răng mi ngây thơ vậy?

_ ...

Mấy ngày sau gặp lại, nàng vẫn cằn nhằn tôi hoài và cứ bảo tại tôi mà hư sự cả. Hư sự không thì có trời biết. Vì 5 năm sau là ngày cưới của chúng tôi. Thế là tôi đã có duyên nợ với khóa KĐ 48 – 55 từ dạo ấy mà nào tôi có bao giờ ngờ được. Ở đời làm sao đoán được chữ ngờ?

Một dịp khác, đúng vào đêm tân hôn, nàng đã nửa đùa, nửa thật bảo tôi:

_ Anh đừng tưởng là anh nhất. Anh đừng tưởng mấy chị học lớp anh gọi anh bằng "Chú" thế là anh hơn họ và họ kính trọng anh đâu. Họ chơi xỏ và ngạo anh đó. Anh biết không? Tháng trước, Nguyễn Thị Thanh Tâm đã nói với em rằng: "Chú gì anh đó? Sức mấy mà làm chú người ta được! Chú gì? Chú này là "Chú Phó", "Chú trong họ" đó, hiểu chưa? Cứ tưởng bở hoài! (cầm nói lái)

Thì ra mãi đến bây giờ tôi mới hiểu và tự thâm trách mình sao ngốc quá. Mấy nàng hỏi đó thế mà thâm tẹ. Lại nghịch ngầm nữa. Đầu đuôi sự tích được tôn lên Chú là như thế này: khi vào lớp đệ tam KHB, phía bạn gái gồm có: Tôn Nữ Từ Diễm, Nguyễn Thị Xuân, Lê Thị Kim Anh, Nguyễn Thị Xuân Bích, Nguyễn Thị Thanh Tâm, Thân Thị Bích Đào, Tôn Nữ Thị Lý, Ngô Thị Hoàng Anh, Lê Thị Mỹ. Chẳng may tôi có bà con với Từ Diễm và đóng vai chú. Nhưng chúng tôi vẫn giữ bí mật. Bẵng đi một thời gian mấy tháng gần cuối niên

khóa, bí mật đó đã bị bật mí và các nàng đã khám phá ra được. Bèn hè nhau gọi tôi bằng Chú mỗi khi cần giao thiệp. Bởi vì từ lâu, hồi còn ở bên ĐK, các nàng đã quy ước với nhau rằng hễ trong nhóm bạn thân với nhau, có ai bà con phải gọi bằng gì thì tất cả đều phải theo thứ bậc ấy của gia đình bạn. Ví dụ như hồi đó trong lớp có Vĩnh Giên có người chị ruột học đệ tử bên ĐK là bạn thân với mấy nàng nên mấy nàng đều gọi Giên là Em và xưng là Chị. Lê Thị Mỹ có người em là Lê Xuân Thảo, tuy học trên một lớp, nhưng hễ nói chuyện giờ ra chơi thì mấy nàng vẫn kêu Em như thường!!! Đau thật, đau quá là đau!

Đó là những kỷ niệm vui buồn, nhưng chắc là vui ít buồn nhiều, một thời đã qua mà một cánh chim xa lìa đàn cách biệt nghìn trùng vẫn còn lưu giữ tận đáy lòng trải qua bao biến cuộc tang thương của đất nước nổi trôi với những trận bão lòng đời éo le khắc nghiệt của thời đại.

Tôi nhắc lại với một nén hương lòng để tưởng nhớ các bạn cùng khóa mà kể từ ngày lưu vong chưa có một lần họp mặt, nên phải "lạc loài" ở một đàn chim khác, vì biết đâu khi đọc lại những đặc san kỷ niệm dày cộm này, chúng ta lại không tìm thấy lại những hình ảnh thân thương xa xưa cũ, những đóa hoa thơm trái mùa bất diệt của cánh đồng tình ái mà chúng ta đã có lần bước xuống, hoặc đạp xe lẻo đẹo theo sau những tà áo trắng trinh nguyên thoăn thoắt bước qua cầu Tràng Tiền sau những giờ tan học? Tôi đã tìm thấy lại cái thú vui của người đi đổi gió.

Như con chim trơ trọi trước cuộc đời khi mùa Đông giá buốt chợt đến với bão tuyết, tôi đã gửi bài này nhờ chị Ngô Thị Vân chuyển dùm đến Ban Biên Tập đảng nhờ vì chim chưa biết bay về đâu để đậu. Hồi những người bạn năm xưa ơi! Phương trời nào người có hay? Bây giờ đã ra sao rồi? Tôi vẫn mong có ngày họp mặt để được nâng ly mời bạn bè uống rượu nồng, chịu không? Bây giờ bạn đang ở đâu?

Xin cảm ơn đời lưu vong. Xin tạ ơn Em đã vì anh và gia đình mà chịu đựng nhọc nhằn để nuôi anh và con học hành thành tài, làm lại cuộc đời và con người mới trên đất Mỹ. Em đã cư xử với anh như bát nước đầy hơn 40 năm ròng. Đẹp thật! Xin tạ ơn 2 chị Ngô Thị Vân và Vĩnh – vì nhờ có 2 chị nên mới có bài này và những bài thơ kế tiếp. Và cuối cùng, xin tạ ơn Ban Biên Tập KĐ 48 – 55 cùng các bạn mới, cũ, quen, lạ đã mở rộng lòng...

Am Sông Tô, ngày hết một năm tuổi

Phụng Hồng

Chú thích:

(1) Niên khóa 1954 – 1955, sau khi đậu tú tài toàn phần ở Huế, Khiếu cùng tôi vào Sài Gòn ghi tên học chứng chỉ Lý Hóa Sinh (PCB) ở Khoa học Đại học Đường để chuẩn bị thi vô Y Khoa. Nhưng đến tháng 11/55 là thời gian còn hiệu lực theo hòa ước Genève để dân 2 miền đi lại, Khiếu bỗng bỏ ra Hà Nội cùng với Hoàng Anh Cung mà không một lời từ biệt. Sau ngày 30/4/75 gặp lại Hoàng Anh Cung ở Sài Gòn, tôi được biết Khiếu có qua Nga du học và sau đó đã từ trần vì lao phổi. Khiếu còn có một người anh ruột là thạc sĩ Lê Văn Chi làm ở Sở Hành Chánh tài chánh 2 tại Đà Nẵng (vợ là chị ruột chị Diệp) cho đến ngày thất thủ. Không biết bây giờ ở đâu? (ghi chú của tác giả).